

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN IA GRAI  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DS-ST  
Ngày: 26 tháng 10 năm 2022  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ksor Thí và ông Nguyễn Như Quang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 71/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Tr, địa chỉ: Làng Ng, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn Th và bà Lê Thị Ph, địa chỉ: Làng Y, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/4/2020 âm lịch (12/5/2020 dương lịch), bà Đỗ Thị Tr có cho ông Phạm Văn Th và bà Lê Thị Ph vay số tiền 50.000.000đ, lãi suất 25%/năm, thời hạn trả nợ trong vòng 03 tháng. Đến hạn trả nợ nhưng ông Th và bà Ph không trả nợ gốc, nợ lãi. Giấy vay tiền là do ông Th viết, khi đưa giấy vay tiền cho bà Tr đã có phần gạch mức lãi suất từ 0,25% thành 25% nhưng vì tin tưởng mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 25%/năm và nghĩ là do ông Th viết nhầm và gạch đi.

Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Yêu cầu ông Th và bà Ph phải trả số tiền gốc 50.000.000đ và trả tiền lãi trong hạn với mức lãi suất là 16,6%/năm, tiền lãi quá hạn với mức lãi suất 24%/năm, tạm tính đến ngày 20/3/2022 là 48.000.000đ.

Bà Tr cung cấp chứng cứ để chứng minh là Giấy vay tiền ghi ngày 20/4/2020 âm lịch.

Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Tr xác định thỏa thuận lãi suất cho vay là 25%/năm nhưng vì ông Th viết sai là “0,25% trên năm” nên đã tự ý gạch bỏ nội dung “0,” thành “25% trên năm” và không có hỏi ý kiến của ông Th, bà Ph. Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th, bà Ph phải trả số tiền nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là 48.000.000đ.

- *Ý kiến của bị đơn là ông Phạm Văn Th trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:* Ông Th thừa nhận có cùng bà Lê Thị Ph vay của bà Đỗ Thị Tr số tiền 50.000.000đ, thời hạn trả nợ là 03 tháng đúng như Giấy vay tiền mà bà Tr đã cung cấp. Tuy nhiên, lãi suất giữa hai bên thỏa thuận là 0,25%/năm, trong giấy vay tiền có gạch xóa phần lãi suất từ 0,25% thành 25%, ông Th cho rằng bà Tr tự ý gạch chữ số “0,” nhằm mục đích nâng lãi suất lên thành 25%. Ông Th đề nghị được trả số tiền 50.000.000đ trong vòng 02 năm và chỉ trả tiền lãi với mức lãi suất 0,25%/năm.

- *Ý kiến của bà Lê Thị Ph tại phiên tòa:* Bà Ph xác định có vay của bà Tr số tiền gốc là 50.000.000đ, tiền lãi là 0,25%/năm nên không đồng ý về việc trả tiền lãi theo yêu cầu của bà Tr.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là đảm bảo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc là 50.000.000đ. Về lãi suất trong giấy vay tiền thể hiện là 25%, tuy nhiên có dấu hiệu bị tẩy xóa, bị đơn cho rằng mức lãi suất là 0,25%/năm, như vậy hai bên không xác định được mức lãi suất cho vay và có tranh chấp nên đề nghị áp dụng mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Giấy vay tiền ngày 20/4/2020 âm lịch (BL41) và xác định bị đơn chưa trả tiền gốc, tiền lãi. Bị đơn là ông Phạm Văn Th và bà Lê Thị Ph thừa nhận có xác lập giao dịch vay tiền theo giấy vay tiền mà nguyên đơn đã cung cấp và chưa trả tiền gốc, tiền lãi. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giữa hai bên có xác lập giao dịch vay tiền theo là Giấy vay tiền mà nguyên đơn cung cấp và chưa trả tiền nợ gốc, nợ lãi như nguyên đơn đã trình bày là đúng.

[2] Xét ý kiến tranh chấp của các đương sự về mức lãi suất cho vay: Các đương sự đều thừa nhận tại giấy vay tiền có thể hiện việc gạch bỏ chữ số “0,” để điều chỉnh tiền lãi từ 0,25% thành 25%. Nguyên đơn xác định mức lãi suất thỏa thuận cho vay là 25%/năm nhưng do ông Th viết nhầm thành 0,25%/năm nên có tự

ý gạch bỏ nội dung “0,” thành 25%/năm. Nguyên đơn cho rằng có sự nhầm lẫn trong việc ghi mức lãi suất là 0,25%/năm, bởi lẽ mức lãi suất này không phù hợp với thực tế cho vay là quá thấp so với lãi suất của Ngân hàng. Xét khi tham gia giao dịch dân sự các đương sự đều đầy đủ năng lực hành vi dân sự và xác lập giao dịch trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên phải kiểm tra tính chính xác và chịu trách nhiệm về nội dung đã thỏa thuận để đảm bảo quyền lợi của mình và đồng thời là nghĩa vụ của bên còn lại. Nguyên đơn là người giữ giấy vay tiền nên có đủ khả năng biết rõ mức lãi suất đã ghi trên hợp đồng và mặc dù mức lãi suất 0,25%/năm (tương ứng với tiền lãi phát sinh là 125.000đ/năm) là thấp so với thực tế, tuy nhiên trong trường hợp cho rằng có sự nhầm lẫn thì phải yêu cầu sửa đổi hợp đồng hoặc thực hiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu do nhầm lẫn, chấm dứt việc cho vay mà tự ý sửa chữa không có sự đồng ý của bên vay tiền nên không được công nhận. Do đó, nguyên đơn phải chịu trách nhiệm về nội dung về mức lãi suất đã thỏa thuận ghi trong giấy vay tiền. Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ nào khác để chứng minh mức lãi suất thỏa thuận là 25%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận ý kiến của nguyên đơn cho rằng mức lãi suất thỏa thuận là 25%/năm.

[3] Đại diện Viện kiểm sát cho rằng mức lãi suất trong giấy vay tiền có dấu hiệu bị tẩy xóa, nguyên đơn cho rằng mức lãi suất là 25%/năm, bị đơn cho rằng mức lãi suất là 0,25%/năm, như vậy hai bên không xác định được mức lãi suất cho vay và có tranh chấp nên áp dụng mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, căn cứ vào giấy vay tiền và lời khai của các đương sự thể hiện rõ mức lãi suất mà các bên ghi vào giấy vay tiền là 0,25%/năm, sau đó nguyên đơn xóa nội dung “0,” để điều chỉnh thành 25%/năm. Đây là việc các đương sự thỏa thuận khoản vay có lãi và ghi rõ mức lãi suất nên không thuộc trường hợp áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà phải trên cơ sở đánh giá chứng cứ để xác định cho phù hợp.

[4] Căn cứ vào giấy vay tiền và lời khai của các đương sự đều xác định mức lãi suất được ghi trong giấy vay tiền là 0,25%/năm nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị đơn và xác định mức lãi suất cho vay là 0,25%/năm.

[5] Các đương sự đều xác định đã quá thời hạn cho vay, bị đơn chưa trả được nợ gốc, nợ lãi nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[6] Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định:

*“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”.*

*“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:*

*a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;*

*b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*

[7] Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu trả tiền nợ gốc và một phần yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi. Cụ thể như sau:

[8] Tiền nợ gốc mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 50.000.000đ.

[9] Tiền nợ lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn: Số tiền lãi phát sinh trong hạn kể từ ngày 13/5/2020 (dương lịch) là tiếp theo ngày cho vay cho đến kết thúc thời hạn cho vay 12/8/2020 với mức lãi suất 0,25%/năm là 31.507đ, số tiền lãi quá hạn kể từ ngày 13/8/2020 cho đến ngày xét xử 26/10/2022 với mức lãi suất  $(0,25 \times 150\% =) 0,375\%/năm$  là 413.527đ. Tổng cộng tiền lãi là 445.034đ. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi với mức lãi suất quá hạn là  $(0,25 \times 150\% =) 0,375\%/năm$ .

[10] Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 50.000.000đ, nợ lãi 445.034đ. Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về tiền lãi là 47.554.966đ.

[11] Về án phí: Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả số tiền 50.445.034đ. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đối với số tiền 47.554.966đ không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tr về tiền nợ gốc và nợ lãi

Buộc ông Phạm Văn Th và bà Lê Thị Ph phải trả cho bà Đỗ Thị Tr số tiền nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền nợ lãi 445.034đ (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm ba mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, ông Phạm Văn Th và bà Lê Thị Ph còn phải trả cho bà Đỗ Thị Tr tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chưa thi hành án với mức lãi suất 0,375%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tr về số tiền lãi 47.554.966đ.

3. Về án phí:

Ông Phạm Văn Th và bà Lê Thị Ph phải nộp 2.522.252đ (hai triệu năm trăm hai mươi hai nghìn hai trăm năm mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị Tr phải chịu 2.377.748đ (hai triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 2.450.000đ (hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0008575 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai. Trả lại cho bà Đỗ Thị Tr số tiền 72.252đ (bảy mươi hai nghìn hai trăm năm mươi hai đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THA dân sự huyện Ia Grai;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên, đóng dấu)  
**Nguyễn Văn Huy**